

Có một nét riêng của văn hóa người Việt ở Nam Bộ

PGS.TS. Phan An
Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ

Abstract

This paper will clarify a cultural character of Viet people in the South – a culture region that are recently paid most attention to. In addition to the common culture of Vietnamese, Viet in the South have their own character that makes the multi-culture of Vietnam. I do note that I use the term character in this paper not the term Identity.

1. Chỉ có ở Nam Bộ

- Ở Bắc Bộ hoặc Trung Bộ, có thể căn cứ vào giọng nói, cách phát âm mà nhận biết được người đó ở địa phương nào. Cách phát âm lẫn lộn giữa L và N, để biết người Thái Bình, Hải Dương, phát âm các dấu “sắc” “huyền”... để nhận người Sơn Tây, giọng Thanh Hóa không lẫn vào đâu được. Ở miền Trung các tỉnh cách nhau một con đèo, phía Bắc đèo Hải Vân là giọng Huế, phía Nam là giọng người Quảng Nam, giọng người Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên... có sự phân biệt khá rõ. Còn ở Nam Bộ giọng nói, cách phát âm, từ vựng giữa các tỉnh, các địa phương không sai biệt mấy, ngoại trừ âm “R” có nơi thành “G”, “TH” thành “KH”. Rất khó căn cứ vào giọng nói, từ vựng để phân biệt người thuộc địa phương nào. Giọng Sài Gòn được xem là giọng chuẩn của người Nam Bộ, không khác mấy với người ở Cà Mau, Hà Tiên là nơi biên viễn xa xôi.

- Trên lĩnh vực nghệ thuật, ca vọng cổ và sân khấu cải lương xuất hiện đầu tiên ở Nam Bộ. Đây là hai loại hình nghệ thuật do người Việt Nam Bộ sáng tạo và xuất hiện vào đầu thế kỷ XX. Theo một số nhà nghiên cứu, vọng cổ do ông Cao Văn Lầu (1892-1976) quê ở tỉnh Long An, sinh sống ở tỉnh Bạc Liêu là người khởi xướng. Năm 1918, ông sáng tác bài “Dạ cổ hoài lang”, từ đây thành trào lưu ca vọng cổ ở Nam Bộ. Vọng cổ thường có 6 câu, về sau trở thành điệu hát được sử dụng phổ biến cho cải lương. Điều đáng lưu ý, là cải lương ra đời ở Nam Bộ, về sau đã truyền bá ra nhiều vùng miền của cả nước, còn vọng cổ hầu như chỉ đóng khung trong vùng đất Nam Bộ.

- Về phương diện văn hóa ẩm thực, có hai món ăn đáng chú ý, mang tính riêng biệt của người Việt Nam Bộ. Thứ nhất là việc sử dụng nước cốt dừa trong nhiều món ăn ở Nam Bộ không chỉ trong các món mặn như kho, canh... mà cả trong các món ngọt như chè, cháo... và cả trong món cari của người Chăm. Ở Việt Nam, không chỉ Nam Bộ có nhiều dừa mà các địa phương khác ở miền Trung và một vài nơi ở Bắc Bộ cũng có nhiều dừa. Tuy nhiên, việc sử dụng nước cốt dừa, được lấy từ cơm dừa trái nạo ra, chỉ có Nam Bộ. Thứ hai, là món “lẩu mắm”. Đây là món đặc sản, và là kết quả của sự giao lưu văn hóa các tộc người Việt, Hoa, Khmer ở Nam Bộ. Lẩu mắm chế biến khá công phu với nhiều món như lươn, cá, thập cẩm... phải có mắm làm từ các loại cá đồng, đặc biệt là mắm prahóc của người Khmer cùng rất nhiều loại rau tự nhiên như bông súng, kèo nèo, lục bình... Lẩu mắm, hiện nay đã được phổ biến ra nhiều địa phương trong cả nước, còn nước cốt dừa vẫn chỉ trong vùng đất Nam Bộ.

- Đạo Cao Đài, một tôn giáo được coi là bản địa, vì xuất hiện ở Nam Bộ vào đầu thế kỷ XX. Tín đồ đạo Cao Đài đã có lúc lên đến con số 2 triệu người. Đã có một số công trình nghiên cứu về đạo Cao Đài, ở đây tôi muốn lưu ý đến tính hòa đồng và dung hợp của tôn giáo này. Trên điện thờ của đạo Cao Đài, có sự hiện diện khá đông đảo của nhiều vị “giáo chủ” của các tôn giáo như Phật Thích Ca, chúa Jesu, Không Tử, Lão Tử... và cả Ngọc Hoàng Thượng Đế. Một hệ thống giáo lý và cơ cấu tổ chức của đạo cũng có sự hòa trộn của nhiều tôn giáo, và cả một cơ cấu của một nền hành chính hiện đại. Đạo được truyền bá rộng rãi ở nhiều địa phương Nam Bộ và một vài nơi ở Trung Trung Bộ trở vào.

- Đạo Hòa Hảo, một tôn giáo cũng được gọi là bản địa ở Nam Bộ, ra đời cũng vào khoảng đầu thế kỷ XX cùng thời với đạo Cao Đài. Cũng có người gọi là Phật Giáo Hòa Hảo, thực ra đây là một tôn giáo vừa có yếu tố Phật giáo vừa kết hợp với những tín ngưỡng dân gian với nội dung “Tứ ân”: Ôn Tổ quốc, ơn đồng bào, ơn cha mẹ và ơn Đức Phật. Có thể xem đây là một tôn giáo mang tính bình dân và đại chúng ở Nam Bộ với những giáo lý, nghi lễ đơn giản phù hợp với tâm lý, nếp sống của người nông dân Nam Bộ. Tín đồ tôn giáo Hòa Hảo phần nhiều là những nông dân ở các địa phương ở Tây Nam Bộ, và có lúc lên đến hơn hai triệu người. Bàn thờ của Hòa Hảo chỉ có một tấm trần điều, một bình hoa, bát hương và mấy chén nước trong.

- Trong thời gian gần đây, ở Nam Bộ xuất hiện những nhân vật gọi là “Hai Lúa” sáng chế, phát minh. Chẳng hạn như một nông dân Nam Bộ tên là Nguyễn Cẩm Lũy được mệnh danh là “Thần đèn”. Ông chuyên việc di dời các công trình, nhà ở nặng hàng chục tấn, mà không cần phải tháo bỏ hoặc đập bỏ. Một nông dân khác lại sáng chế ra máy hút bùn vừa tiện lợi, rẻ tiền và phù hợp với kênh rạch Nam Bộ, một người khác lại lắp ráp máy gặt lúa xếp hàng, có thể gặt lúa trên các cánh đồng lưng trũng. Đặc biệt là một nông dân bỏ ra hàng trăm triệu đồng để lắp ráp máy bay trực thăng với mong muốn là dùng để đi thăm đồng ruộng... Đáng chú ý là những “Hai Lúa” này không có điều kiện học hành bài bản, chưa qua hết trung học phổ thông.

Có thể kể thêm nhiều chuyện “chỉ có ở Nam Bộ”, như chuyện các ông Đạo, chuyện về sự xuất hiện kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa sớm nhất nước, chuyện tờ báo đầu tiên Việt Nam xuất bản ở Nam Bộ, chuyện những con người chống ngoại xâm Pháp, Mỹ và cả chuyện nơi đây đầu tiên đã “xé rào” trong thời ngắn sông cấm chợ...

2. Không gian văn hóa người Việt Nam Bộ.

- Vùng đất Nam Bộ là kết quả bồi đắp phù sa của hai hệ thống sông Đồng Nai và sông Cửu Long trong nhiều thế kỷ. Phần lớn là đồng bằng, ít núi đồi, trừ vùng Tây-Tây Bắc của Đông Nam Bộ và Tây Nam của Tây Nam Bộ có một vài dãy núi, đồi thấp bị chia cắt bởi nhiều sông ngòi kênh rạch, nhất là vùng đồng bằng Sông Cửu Long hay còn gọi là Tây Nam Bộ. Đồng bằng Sông Cửu Long chỉ cao hơn mực nước biển từ 1 đến 1,5 m, ảnh hưởng thủy triều khá rõ. Đất đai nhiều vùng bị ngập mặn hoặc bị chua vì đất phèn, lại thiếu nguồn nước ngọt nhiều tháng trong năm. Về mặt khí hậu, có khác với miền Bắc và Bắc Trung Bộ, ở đây chỉ có hai mùa: mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 11, và mùa khô từ cuối tháng 11 đến đầu tháng 4 năm sau. Và lượng mưa trung bình ở đây khoảng 2000 mm/năm. Nam Bộ cũng là khu vực ít bão và áp thấp nhiệt đới, trung bình khoảng hai cơn bão mỗi năm. Thổ nhưỡng và khí hậu Nam Bộ phù hợp với việc canh tác lúa và các sản phẩm nông ngư nghiệp.

Những cư dân người Việt tìm đến vùng đất Nam Bộ từ hơn ba thế kỷ về trước, khoảng cuối thế kỷ XVI và đầu thế kỷ XVII. Trước đó vùng đất này còn hoang hóa, bởi những kiến tạo địa lý và thủy văn. Cùng với người Việt, trước đó một ít là người Khmer từ thượng lưu sông Mê Kông và sau đó là những di dân Hoa

từ duyên hải Nam Trung Hoa cũng tìm đến tham dự việc khai khẩn vùng đất Nam Bộ. Những cộng đồng di dân này tìm đến vùng đất Nam Bộ với mục đích quan trọng hàng đầu là tìm đất mưu sinh, lập nghiệp.

Người Việt Nam Bộ, vốn là những lưu dân có gốc từ Bắc Bộ và Trung Bộ. Phần lớn họ là những nông dân, thợ thủ công, dân nghèo sống không nổi ở quê nhà đành phải buộc lòng ly hương tìm nơi đất sống mới. Cùng đến đất Nam Bộ, thành phần của dân người Việt còn khá nhiều các lớp người khác như các binh lính được phái đi đồn trú, khẩn hoang, những quan lại bị “kỷ luật”, các nhà nho bất đắc chí, những thương nhân và cả những tội đồ bị đầy biệt xứ, những phần tử tội phạm của nhà nước phong kiến bị truy nã, trốn tránh phải thay tên đổi họ...

Đến đất Nam Bộ định cư, những lưu dân người Việt đã tập hợp lại thành những nhóm, những cộng đồng, bắt tay vào công việc khai mở đất đai, lập ấp khẩn hoang. Vốn là những cư dân của nền văn minh nông nghiệp canh tác lúa nước, họ đã nhanh chóng thích ứng với vùng đất mới. Thiên nhiên Nam Bộ vừa hào phóng nhưng cũng không ít những khó khăn thách đố. Người Việt đã đến Nam Bộ với những hành trang, với chiều dày lịch sử hàng ngàn năm, kinh nghiệm trồng lúa, trồng màu, với cách tổ chức đời sống cộng đồng là cái vốn quý nhất để họ đối diện và tồn tại trên vùng đất mới này. Thêm vào đó là sự cộng cư với người Khmer và người Hoa và các dân tộc bản địa anh em, người Việt đã có thêm những học hỏi văn hóa mới, tạo nên sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc trên vùng đất Nam Bộ.

Hơn ba thế kỷ qua, người Việt đã đạt được nhiều thành công, thành tựu lớn lao trong công cuộc định cư và khai mở vùng đất Nam Bộ. Những xóm ấp được lập nên, những cánh đồng trồng lúa, hoa màu, cây ăn trái... trải dài khắp miền đất phương Nam. Cùng với cuộc sống vật chất, một nhu cầu tâm linh cũng dần dần được đáp ứng đó là những đền, đình, chùa, miếu cũng được xây cất, một số tín ngưỡng tôn giáo ra đời, và cả phương thức tổ chức đời sống cộng đồng làng xã quen thuộc được đem từ phía Bắc vào. Hơn ba trăm năm trải nghiệm và thích ứng với môi trường tự nhiên và xã hội, người Việt Nam Bộ, đã hình thành một nét văn hóa riêng của mình trên vùng đất Nam Bộ.

Trở lại với những dẫn liệu ở phần đầu bài viết này “chỉ có ở Nam Bộ”, tôi nghĩ rằng, ít nhiều điều đó đã minh họa cho những nét riêng của văn hóa người Việt Nam Bộ. Cho đến nay, đã có khá nhiều những bài viết, công trình nghiên cứu, tìm

hiểu về văn hóa người Việt Nam Bộ. Những lí giải từ nhiều góc cạnh khác nhau về văn hóa người Việt ở Nam Bộ. Trong trường hợp cái anh “Hai Lúa” ở Nam bộ bỏ ra hàng trăm triệu đồng để lắp ráp máy bay trực thăng, và để cuối cùng chẳng để làm gì cả, hơn là thỏa mãn một khát vọng riêng tư. Chắc hẳn, nếu có trong tay hàng trăm triệu đồng, một anh nông dân miền Bắc, hoặc Trung Bộ, họ sẽ làm một việc khác, có thể họ sẽ mua một chiếc ô tô đời mới để rạng rỡ với xóm làng, bè bạn. Vậy ở đây cái bản sắc văn hóa của người Việt Nam Bộ là gì? Câu trả lời hãy còn bỏ ngỏ và còn những tìm tòi, suy nghĩ thêm. Theo tôi, người Việt Nam Bộ cũng giống như người Việt ở các vùng miền khác của đất nước, có cội nguồn văn hóa chung từ hàng nghìn năm, từ cái nôi văn minh Sông Hồng, văn minh trồng lúa nước ở Bắc Bộ. Đó là điều cơ bản. Người Việt Nam Bộ là một bộ phận của người Việt Việt Nam, đã chuyển dịch không gian sinh tồn vào vùng đất phương Nam. Ở đây, họ đã tái lập (hoặc tái cấu trúc) văn hóa Việt truyền thống trên một vùng đất mới, trong không gian văn hóa của vùng đất Nam Bộ. Nơi đó văn hóa Việt truyền thống đã tìm cách thích ứng và phát triển trong điều kiện tự nhiên và xã hội khác với vùng “đất Tổ” của mình. Chính điều đó đã tạo nên nét riêng của văn hóa của người Việt Nam Bộ.

3. Văn hóa người Việt Nam Bộ hôm nay.

Vùng đất Nam Bộ, hôm nay đã có nhiều thay đổi lớn lao so với những thế kỷ trước, so với buổi đầu khi người Việt đến đây khai hoang lập nghiệp. Giờ đây, Nam Bộ không còn là nơi hoang hóa, đất rộng người thưa như xưa nữa, đất đai, tài nguyên đã khai thác đến mức gần như không còn “khai mở” thêm được nữa. Nam Bộ đang bước vào thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và tốc độ đô thị hóa trở nên nhanh chóng. Không gian sinh tồn đã thay đổi, và văn hóa người Việt Nam Bộ cũng có những chuyển đổi lớn lao. Xu thế hội nhập và toàn cầu hóa đã tác động đến đời sống văn hóa của người Việt Nam Bộ, nhất là thế hệ trẻ hôm nay. Đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người Việt Nam Bộ, nhìn chung có sự tăng cường, được nâng lên khá nhiều. Sự giao tiếp với thế giới bên ngoài rộng mở, người Việt Nam Bộ đã được tiếp xúc với khoa học kỹ thuật hiện đại, với nhiều văn hóa trên thế giới. Vấn đề được đặt ra ở đây là sự bảo tồn bản sắc văn hóa Việt Nam Bộ, trong hôm nay sẽ như thế nào. Và sự đối diện với những thách thức trong sự phát triển để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của người Việt Nam Bộ. Nhiều nếp sống cũ cách cư xử, và tư duy của người Việt Nam Bộ sẽ lùi dần vào quá khứ hoặc phải chuyển đổi để

thích ứng với cuộc sống hiện đại hôm nay. Đó là điều tất yếu. Các nhận xét của Trịnh Hoài Đức về người Việt Nam Bộ cách đây gần hai thế kỷ và được nhiều người tán đồng là “*trọng nghĩa, khinh tài*”, có lẽ cũng cần xem lại. Theo tôi, thích ứng với sự phát triển hôm nay, người Việt Nam Bộ, cần “trọng nghĩa và trọng tài” (tài là tiền tài, vật chất).

Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa, bản sắc văn hóa là cần thiết, khi đã quan niệm văn hóa là nguồn lực phát triển của đất nước hôm nay và sắp tới. Bảo tồn những giá trị tốt đẹp và tích cực của văn hóa người Việt Nam Bộ cũng nằm trong cái chung, là một phần của việc gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa, bản sắc văn hóa của người Việt của cả nước, và của các dân tộc anh em ở Việt Nam. Những nét riêng của văn hóa người Việt Nam Bộ như trọng nghĩa, trọng tài (tài năng), tính năng động, linh hoạt, tính dám làm dám chịu đến cùng... cho đến hôm nay vẫn còn những giá trị lớn lao và tích cực. Bên cạnh đó vẫn còn một vài nếp sống ứng xử quen thuộc trong một thời đã qua như sự hời hợt, tạm bợ, tùy tiện... cũng cần xem xét lại, khi mà ở Nam Bộ, đặc biệt là vùng đồng bằng Sông Cửu Long, nơi có đông người Việt sinh sống, hiện là nơi có mật độ dân trí, trình độ học vấn vào loại thấp so với nhiều vùng trong cả nước, là nơi tỉ lệ nghèo đói còn cao.

Thực tế, không phải đợi đến hôm nay, chúng ta mới đặt vấn đề bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa của dân tộc, mà từ xưa, cha ông ta đã làm điều đó, khi các cụ khuyên con cháu “giấy rách phải giữ lấy lề”. Giữ gìn những cái hay cái đẹp của văn hóa dân tộc, tức cái bản sắc văn hóa, có lẽ là một trong những nguyên nhân giữ cho đất nước, dân tộc ta tồn tại, vững bền hàng ngàn năm qua. Vấn đề được đặt ra hôm nay, là bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của người Việt Nam Bộ, là làm việc đó trong bối cảnh hiện tại, những điều kiện lịch sử, xã hội có khác trước, và những dự báo cần lưu ý. Trong thời gian vừa qua, chúng ta đã có nhiều cố gắng để gìn giữ bản sắc văn hóa, tuy nhiên đôi khi cũng còn mang tính hình thức, chưa có sự chu đáo và căn cơ thấu hiểu bản sắc văn hóa là cái gì. Trên đất Nam Bộ người Việt đã mở mang, phát triển một vùng đất cho Tổ Quốc và cũng đã tạo dựng cho mình là người Việt nói chung và người Việt Nam Bộ nói riêng trong bức tranh đa dạng về văn hóa của cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan An. *Người Việt Nam Bộ (dưới góc nhiều tôn giáo)*. Tạp Chí Văn Hóa Nghệ Thuật, số 311 (5/2010).
2. Phan An. *Ông Đạo – một hiện tượng tôn giáo Nam Bộ*. Tạp chí Xưa và Nay, số 2 – 2010 và trong kỷ yếu Hội Nghị Quốc Tế Việt Nam học, lần thứ 3 – Hà Nội, 2009.
3. Đinh Văn Hạnh. *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt Nam Bộ (1867 - 1975)*. Nxb. Trẻ, 1999.
4. Nguyễn Văn Hào. *Nửa tháng trong miền Thất Sơn*. Nxb. Hương Sen, Sài Gòn – 1971.
5. Phạm Bích Hợp. *Người Nam Bộ và Tôn giáo bản địa (Bửu Sơn Kỳ Hương – Cao Đài – Hòa Hảo)*. Nxb. Tôn giáo, 2007.
6. Đỗ Quang Hưng. *Nghiên cứu tôn giáo – Nhân vật và sự kiện*. Nxb. Tổng hợp. Tp.HCM, 2009.
7. Huỳnh Lứa. *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*. Nxb. TpHCM, 1987.
8. Huỳnh Lứa. *Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam Bộ các thế kỷ XVII, XVIII, XIX*. Nxb. KHXH, Hà Nội – 2000.
9. Sơn Nam. *Đồng bằng sông Cửu Long nét sinh hoạt xưa*. Nxb. TpHCM, 1993.
10. Tạ Chí Đại Trường. *Thần và người đất Việt*. Nxb. Văn hóa – Thông tin, Hà Nội – 2006.